

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: /SNNMT-MT
V/v báo cáo kết quả thực hiện các chỉ
tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực môi
trường năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: UBND các xã, phường, đặc khu

Thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 2 về nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2025; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 3 về Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025; theo đó, UBND tỉnh giao các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực môi trường năm 2025 (được tổng hợp tại Biểu số 1).

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường và đặc khu triển khai thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực môi trường năm 2025 và chịu trách nhiệm về kết quả hoàn thành các chỉ tiêu được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025. Báo cáo kết quả thực hiện (theo Biểu số 02) về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 15/10/2025** để Sở rà soát, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT(li).

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương

BIỂU SỐ 1
Chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh môi trường năm 2025 được UBND tỉnh giao tại
Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16/9/2025

TT	Chỉ tiêu chủ yếu về môi trường	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Dự kiến năm 2025		Ghi chú
				Kế hoạch	So với TH 2024 (%)	
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại (rắn, lỏng) được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	80,5	81		
2	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị	%	87	90		

BIỂU SỐ 2
Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội thuộc lĩnh môi trường năm 2024 và kế hoạch thực hiện năm 2025

TT	Chỉ tiêu chủ yếu về môi trường	Khối lượng phát sinh	Khối lượng được xử lý	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện 2024	Dự kiến năm 2025		Ghi chú
						Kế hoạch	So với TH 2024 (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại (rắn, lỏng) được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia			%				
2	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị			%				

Trong đó: $(8) = (7) / (6) * 100\%$